TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Văn bia chùa Linh Quang xác định chùa thuộc dòng Lâm Tế

ISSN: 2734-9195 08:25 10/03/2025

Căn cứ vào văn bia trên tháp dựng thời Tự Đức năm 1853, có thể xác định được chùa Linh Quang Quang (hay còn gọi là chùa Kiều Hạ) xã Quốc Tuấn, huyện An Dương, Hải Phòng thuộc phái Lâm Tế.

Tác giả: **Thích Thanh Nguyên**

Trụ trì chùa Linh Quang

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 3/2025

1. Vài nét về chùa Linh Quang

Chùa Linh Quang được xây dựng muộn nhất cũng vào thời nhà Mạc, thế kỷ XVI. Văn bia dựng năm niên hiệu Chính Hòa thứ 21 (1700), ghi việc trùng tu "chùa Linh Quang là nơi cổ tích danh lam có từ rất lâu đời". Chùa được sư trụ trì chùa là vị tăng Phạm Minh Lượng tên chữ là Huyền Văn, người xã An Hựu (nay là thôn An Hựu, huyện Tiên Minh, phủ Nam Sách). Lần đại trùng tu các công trình này được ghi rõ trong văn bia như: tòa thượng điện, lò thiêu hương, tu lí lại tượng, làm gác chuông, đúc hồng chung (chuông lớn) và làm một số pho tượng mới, lập thiên đài, xây dựng tường bao xung quanh. Khi hoàn thành chùa trở nên quy mô, tráng lệ nguy nga. Ngoài tư liệu văn bia, bia mộ tháp ra thì chùa còn giữ được quả chuông thời Gia Long□□□□□□ □□□□□□□□□□ , □□□□□□□□ □□□□□ An Dương huyện Điều Yêu Hạ xã Quan viên thượng hạ đẳng tạo chú hồng chung nhất quả, Gia Long thập bát niên tuế thứ Kỷ Mão tam nguyệt nhị thập bát nhật.

Các tháp tổ tại chùa tại chùa Linh Quang (Ảnh: TG)

Căn cứ vào văn bia và các tháp tổ tại chùa thì các tổ đang mang hàng chữ (tịch 寂), như Tịch An, Tịch Mãn, từ đây có thể biết được các chùa thuộc dòng Lâm Tế. Cụ thể tên của các tổ trên tháp như sau:

1.Trụ trì Phạm Minh Lượng tự Huyền Văn, quê quán xã An Hỗ, huyện Quang Minh, phủ Nam Sách, Hải Dương

2.Trụ trì Hải Khoan, tự Tịnh Đức, quê quán Phục Lễ Thủy Đường Kinh Môn Hải Dương.

3. 南無淨土塔沙門字寂錦禪徒字寂安　　觀堂禪　　座下 Nam mô Tịnh Độ tháp Sa môn tự Tịch Cẩm Thiền đồ tự Tịch An Quan đường thiền tọa hạ

4. 南無同光塔監座沙門字寂滿　　禪徒字寂慈觀　　靈禪座下 Nam mô Đồng Quang tháp Giám Tòa Sa môn tự Tịch Mãn Thiền đồ tự Tịch Từ Quan linh thiền tọa hạ.

5. 南無靈光塔長座沙門字寂信 Nam mô Linh Quang tháp trưởng tòa sa môn tự Tịch Tín.

6.禪弟字寂平覺靈禪座下 Thiền đệ tự Tịch Bình giác linh thiền tọa hạ

7. 南無明燈塔摩訶沙門比丘戒釋清美諱春蘭覺　　靈禪座下 Nam mô Minh Đăng tháp ma ha sa môn tỉ khâu giới Thích Thanh Mĩ huý Xuân Lan giác linh thiền toà hạ.

Thêm một tài liệu liên quan đến môn đồ hàng chữ tịch qua tác phẩm Pháp Bảo đàn kinh được sơn môn khắc riêng vào 1 tờ, trong đó nội dung ghi rất rõ là An Dương huyện Điều Yêu Hạ xã Linh Quang tự dĩ minh hậu ấn: 板留在安陽縣條天下社灵光寺以明後印 (Bản lưu tại chùa Linh Quang xã Điều Yêu Hạ huyện An Dương để làm sáng tỏ cho đời sau in. Cùng với đó là liệt kê môn đồ công đức hộ

kinh như:

比丘戒寂和　　，寂質　，寂忍　，寂典　，寂晴　，寂照　，寂耀　，寂海　，寂慈　，寂蓮　,寂性　，寂佳　，寂利　，寂年　，寂通　，寂宴　,寂惠　，寂綵　，寂盛　，照理　，照珠　，照傳　.

比丘戒寂啟　　，寂妙　，寂璟　，寂憲　，寂玥　，寂筆　，寂炬　，照林　，照寡　，照平　.

比丘戒寂顯　　，寂鑒　,寂振　,寂蓮　，寂持　,寂秀　.

比丘戒寂諠　　,寂通　，寂談　，寂錠　，照雲　，照覺　.

比丘戒寂成　　，寂和　，寂章　，寂亨　，寂雲　.

Tỉ khâu giới Tịch Hoà, Tịch Chất, Tịch Nhẫn, Tịch Điển, Tịch Tình, Tịch Chiếu, Tịch Diêu, Tịch Hải, Tịch Từ, Tịch Liên, Tịch Tính, Tịch Giai, Tịch Lợi, Tịch Niên, Tịch Thông, Tịch Yến, Tịch Huệ, Tịch Lỗi, Tịch Thịnh, Chiếu Lí, Chiếu Châu, Chiếu Truyền. Tỉ khâu giới Tịch Khải, Tịch Diệu, Tịch Cảnh, Tịch Hiến, Tịch Nguyệt, Tịch Bút,Tịch Cự, Chiếu Lâm, Chiếu Quả, Chiếu Bình. Tỉ khâu giới Tịch Hiển, Tịch Giám, Tịch Chấn, Tịch Liên, Tịch Trì, Tịch Tú. Tỉ khâu giới Tịch Huyên, Tịch Thông, Tịch Đàm, Tịch Đĩnh, Chiếu Vân, Chiếu Giác. Tỉ khâu giới Tịch Thành, Tịch Hoà, Tịch Chương, Tịch Hanh, Tịch Vân.

2. Nguyên văn chữ Hán bia tháp

蓋聞　:人之三事，師其一也，大哉　　.師乎！開茅　　塞之心　,留示惏溓之性　　，
地發其智慧而超出輪迴　　者，寔由師教詔撫摩之力也　　.故存則顏勝趨存　　，亡則始終奉事　　.
雖辰殊世事然　　,道在心存，亘千古不　　可忘也　.今本師法諱海寬，字淨德，是海陽荊門
水堂復禮陳家子也　　.　　年方少歲，投入杏壇　　(1)，讀
史知世逾汚隆，講易識陰陽昇降，灼知仙道未出　　輪迴，遂登上方　　(2)
而修出世之道，為披于瓊林慧　　室無生性靜律師，頂受三壇戒具，學通四智圓
明，提水又之西傳，修多羅之東譯，暮叩朝參，
不數年遂發智慧，自念諸佛出世，蓋而因緣，歷
代祖師本懷慈濟，可非兼善，何以利人？幾年梵
網施張，接淨眾趨歸于寶所，數載金言讚誦，使
善人募向於慈門，福不唐伯，功無漏缺，及至歲
高臘長，年外七旬冥遊適樂於兌天，幻影厥有　　[ ]地，乃坐化于癸丑六月三日之干辰也　　.

道場眾等依禪典而茶毘之，遂收舍利建塔於靈
光，弟子請為一記，該勒于石，使後緇白有情知
本師出世如斯，而報本如斯，不啻古者之羹墻，
然敬在事存，昭昭乎三事在世，等穹壤而弗替　　也　.其為銘曰:

煌煌日出　　，照耀東陽

棠江秀水　　，復禮名鄉

出家弘道　　,普泛慈航

真陽共利　　，福慧双彰

塵緣化滿　　，淨土超方

眾等仰望　　，宰堵营墻

傳之不朽　　，地久天長

紹法乳承師付囑字寂蓮　　，寂錦　，寂忍　，寂塡　,寂慈　，寂律　，寂性　,寂滿　，寂琦　，寂琉　，法孫照理　　，照足　，照慈　，照 [], 照 [], 照珠　，詔用　，照濟　，照普　，照圭　，照陽　，照舉　，照桃　，照睿　，照宣　，照議　，照淵　，照皈　，照義　，照慧　，照 諸，照陽　，照專　，照 [], 照 [], 照 [], 照 [], 照饌　，妙識　，妙壹　，普及山門諸尊等　　.

嗣德六年歲在癸丑十二月仲冬穀日

Phiên âm:

Cái văn: nhân chi tam sự, sư kì nhất dã, đại tai. Sư hồ, khai mao tái chi tâm lưu, thị lam tưu chi tính địa, phát kì trí tuệ nhi siêu xuất luân hồi giả, thực do sư giáo chiếu phủ ma chi lực dã. Cố tồn tắc nhan đằng xu tồn, vong tắc thủy chung phụng sự. Tuy thời thù thế sự nhiên, đạo tại tâm tồn, cắng thiên cổ bất khả vong dã. Kim bản sư pháp húy Hải Khoan, tự Tịnh Đức, thị Hải Dương Kinh Môn Thủy Đường Phục Lễ Trần gia tử dã.

Niên phương thiếu tuế, đầu nhập hạnh đàn, độc sử tri thế du bàng long, giảng Dịch thức âm dương thăng giáng, chước tri tiên đạo vị xuất luân hồi, toại đăng thượng phương nhi tu xuất thế chi đạo, vi phỉ vu Quỳnh Lâm tuệ thất Vô Sinh Tính Tịnh luật sư, đảnh thu tam đàn giới cụ, học thông tứ trí viên minh, đề thủy hựu chi tây truyền, tu Đa La chi đông dịch, mộ khấu triêu tham, bất sổ niên toại đăng trí tuệ, tự niệm chư Phật xuất thế, cái nhi nhân duyên, lịch đại tổ sư bản hoài từ tế, khả phi kiêm thiện, hà dĩ lợi nhân? Kỉ niên Phạn Võng thi trương, tiếp tịnh chúng xu quy vi bảo sở, sổ tải kim ngôn tán tụng, sử thiện nhân mộ hướng ư từ môn, phúc bất Đường Bá, công vô lậu quyết, cập chí tuế cao lạp trường, niên ngoại thất tuần, minh du thích lạc ư đoài thiên, ảo ảnh quyết hữu [] địa. Nãi tọa hóa vu Quý Sửu lục nguyệt tam nhật chi can thìn dã. Đạo tràng chúng đẳng y thiền điển nhi trà tì, toại thâu Xá lị kiến tháp ư Linh Quang, đệ tử thỉnh vi nhất kí, cai lặc vu thạch, sử hậu truy bạch hữu tình tri bản sư xuất thế như tư, nhi báo bản như tư, bất thí cổ giả chi canh tường, nhiên kính tại sự tồn, chiêu chiêu hồ tam sự tại thế, đẳng khung nhưỡng nhi phất thế dã, kì vi minh viết:

Hoàng hoàng nhật xuất, Chiếu diệu đông dương Đường giang hoằng đạo, Phục Lễ danh hương Xuất gia hoằng đạo, phổ phiếm từ hàng Chân dương cộng lợi, phúc tuệ song chương Trần duyên hóa mãn, tịnh độ siêu phương Chúng đẳng ngưỡng vọng, tể cổ doanh tường Truyền chi bất hủ, địa cửu thiên trường Thiệu pháp nhũ thừa sư phó chúc tự Tịch Liên, Tịch Cẩm, Tịch Nhẫn, Tịch Điển, Tịch Từ, Tịch Luật, Tịch Tính, Tịch Mãn, Tịch Kì, Tịch Lưu, Pháp Tôn Chiếu Lí, Chiếu Túc, Chiếu Từ, Chiếu [], Chiếu [], Chiếu Châu, Chiếu Dụng, Chiếu Tế, Chiếu Phổ, Chiếu Khuê, Chiếu Dương, Chiếu Cử, Chiếu Đào, Chiếu Duệ, Chiếu Tuyên, Chiếu Nghị, Chiếu Uyên, Chiếu Quy, Chiếu Nghĩa, Chiếu Tuệ, Chiếu Chư, Chiếu Dương, Chiếu Chuyên, Chiếu [3], Chiếu [4], Chiếu [5], Chiếu [], Chiếu Soạn, Diệu Thức, Diệu Nhất, phổ cập sơn môn chư tôn đẳng.

Tự Đức lục niên tuế tại Quý Sửu thập nhị nguyệt trọng đông cốc nhật

Dịch nghĩa:

Từng nghe: Trong ba việc phụng sự của con người, phụng sự Thầy là một trong ba việc đó, lớn lao thay việc phụng thờ Thầy! Thầy là người có lòng khai mở tri thức(6), răn dạy, còn lưu lại chân tính và lời dặn dò nỗ lực học tập, đất phát trí tuệ mà nhiều lần vượt qua luân hồi, thực là do công sức của Thầy dạy dỗ động

viên vậy. Cho nên lúc Thầy còn sống thì còn nhanh chạy đến, lúc Thầy mất thì phụng thờ trọn đời. Tuy rằng việc đời thời có khác nhau, nhưng đạo thì còn giữ ở trong lòng, suốt từ ngàn năm không thể quên được. Nay bản sư pháp húy là Hải Khoan, tự Tịnh Đức, là con trai của nhà họ Trần ở Phục Lễ Thủy Đường Kinh Môn Hải Dương.

Lúc Thầy tuổi còn nhỏ, được vào học ở trường, đọc sử mà biết được thời thế càng hưng thịnh, bàn xét kinh Dịch mà biết sự lên xuống của âm dương, hiểu rõ đạo tiên mà chưa xuất luân hồi, bèn lên chùa mà xuất thế tu đạo, khoác áo đến đảnh lễ nhận thụ giới tam đàn cụ túc với luật sư Vô Sinh Tính Tĩnh ở tuệ thất Quỳnh Lâm(7), ngài học thông cả tứ trí (gồm Đại Viên Cảnh Trí (□□ □□), Bình Đẳng Tánh Trí (□□□□), Diệu Quan Sát Trí (□□□□) và Thành Sở Tác Trí (□□□ □). Vất vả học [triết lý] truyền đến từ phương

Tây [Ấn Độ]; tu học kinh sách dịch từ phương Đông. Sớm chiều tu tập, chưa đến vài năm mà trí tuệ khai sáng, từ niệm chư Phật xuất thế, đó đại khái là nhân duyên, lịch đại Tổ sư vốn có lòng từ bi cứu độ, có thể không kiêm việc thiện, sao có thể làm lợi cho người, mấy năm thi hành kinh Phạm Võng, dẫn tiếp mọi người trở về ngôi Tam Bảo, mấy năm lời vàng tán tụng, khiến cho người thiện xin hướng về cõi thiền môn, phúc không sánh được cùng với Đường Bá (Đường Bá Hổ), công lao không bị để sót, cho đến lúc tuổi hạ đã cao, tuổi ngoài 70 mà âm thầm ngao du đến cõi trời tây, cảnh tượng như có như không, bèn tọa mà hóa ngày 3 tháng 6 năm Quý Sửu (1853)

Các đệ tử trong đạo tràng dựa theo điển lệ thiền môn mà làm lễ Trà Tì (hỏa thiêu) bèn thu xá lợi xây tháp ở chùa Linh Quang, đệ tử mời [tôi làm một bài kí] khắc vào bia đá, khiến cho đời sau tỏ rõ người thầy xuất thế như thế, mà báo đáp gốc gác như thế, chẳng những truy niệm người xưa mà ngưỡng vọng tôn kính những việc trong cuộc sống của thầy, rõ ràng thay ba việc ở đời, sánh với trời cao mà không thể bỏ. Bèn làm bài minh rằng:

Mặt trời lên rực rỡ, Chiếu khắp xứ Đông Dương(8)

Sông Đường đẹp đẽ, Có làng Phục Lễ(9)

Xuất gia hoằng đạo, Thuyền từ phổ khắp

Âm dương cùng lợi, Phúc tuệ cùng sáng

Duyên trần hóa đủ, Siêu sinh tịnh độ

Mọi người trông ngóng, Nhà cửa của

Thầy Truyền lại không hỏng, Tồn tại vĩnh hằng

Thầy nối truyền Phật pháp dặn dò lại cho Tịch Liên, Tịch Cẩm, Tịch Nhẫn, Tịch Điển, Tịch Từ, Tịch Luật, Tịch Tính, Tịch Mãn, Tịch Kì, Tịch Lưu, hàng cháu Chiếu Lí, Chiếu Túc, Chiếu Từ, Chiếu [], Chiếu [], Chiếu Châu, Chiếu Dụng, Chiếu Tế, Chiếu Phổ, Chiếu Khuê, Chiếu Dương, Chiếu Cử, Chiếu Đào, Chiếu Duệ, Chiếu Tuyên, Chiếu Nghị, Chiếu Uyên, Chiếu Quy, Chiếu Nghĩa, Chiếu Tuệ, Chiếu Chư, Chiếu Dương, Chiếu Chuyên, Chiếu [10], Chiếu [11], Chiếu [12], Chiếu [], Chiếu Soạn, Diệu Thức, Diệu Nhất cho đến chư tôn trong sơn môn.

Ngày tốt tháng giữa đông năm Quý Sửu niên hiệu Tự Đức thứ 6 (1853).

Như vậy, căn cứ vào văn bia trên tháp dựng thời Tự Đức năm 1853, có thể xác định được chùa Linh Quang Quang (hay còn gọi là chùa Kiều Hạ) xã Quốc Tuấn, huyện An Dương, Hải Phòng thuộc phái Lâm Tế. Tổ Hải Khoan được thụ giới cụ túc với Thiền sư Tính Tĩnh (1692 - 1773), (Đời pháp thứ 38, tông Lâm Tế).

Theo kệ truyền đăng của dòng Lâm Tế. Kể từ khi sư Hải Khoan về trụ trì chùa và trùng tu đến thời Tự Đức thì các đời trụ trì của chùa đã từ chữ Hải, chữ tịch, chữ chiếu. Hai bia bài vị trên tháp mộ cũng chỉ rõ việc này.

Tác giả: **Thích Thanh Nguyên**

Trụ trì chùa Linh Quang

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 3/2025

***

Chú thích:

(1) Hạnh đàn là nơi mà Khổng Tử nhận học trò để giảng dạy. ở đây chỉ ngài đã được vào trường học.

(2) : Thời xưa, Âm Dương và Ngũ hành chỉ phương Đông và phương Bắc. 3. Thiên đường; 4. Phòng trong nơi trụ trì ở. Cũng

đề cập đến chùa Phật giáo.

(3) Các chỗ này trên văn bia để trống chưa khắc tên

(4) Các chỗ này trên văn bia để trống chưa khắc tên

(5) Các chỗ này trên văn bia để trống chưa khắc tên

(6) Mao tái: nghĩa là nhà cỏ tường đất, sau chỉ tri thức chưa được khai mở, suy nghĩ chưa thông.

(7) Sư họ Trần, sanh năm 1692, quê ở Đông Khê, thọ giáo với Hòa thượng Như Hiện nơi chùa Nguyệt Quang. Sư thâm đạt yếu chỉ, ngộ được Tâm tông. Sau, Sư kế thừa trụ trì ở chùa Nguyệt Quang, giáo hóa thạnh hành làm rạng rỡ cho tông môn Lâm Tế. Sư chỉ chuyên tịnh nhất tâm, mà đã xây dựng lại được các ngôi cổ tự, nào Long Động, Phước Quang, Quỳnh Lâm. Sư đã từng làm Hòa thượng cho tám, chín đàn truyền giới. Đệ tử lớn của Sư có đến hai mươi vị Đại đức Trụ trì. Sư hằng giữ luật để bỏ trần về giác, chuyên trì kinh Lăng Nghiêm để thấy tánh sáng tâm.

Đến cuối mùa xuân năm Quí Tỵ (1773), Sư từ giã chúng thị tịch, thọ tám mươi hai tuổi.

(8) Chỉ xứ Đông, Hải Dương

(9) Làng Phục Lễ nay thuộc xã Vĩnh Hồng (Bình Giang) Hải Dương

(10) Các chỗ này trên văn bia để trống chưa khắc tên

(11) Các chỗ này trên văn bia để trống chưa khắc tên

(12) Các chỗ này trên văn bia để trống chưa khắc tên